

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH ĐỊNH**Chương: 426****ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CCBVM ngày tháng 07 năm 2021 của Chi cục Bảo vệ Môi trường)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2			3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	0,00	0,00	0,00
1	Lệ phí:	0,00		0,00
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí:	0,00	0,00	0,00
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp		0,00	0,00
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)		0,00	0,00
	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường		0,00	0,00
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại (kể cả tiết kiệm 40% để tạo nguồn CCTL)	0,00	0,00	0,00
	Chi quản lý hành chính	0,00	0,00	0,00
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0,00
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0,00
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0,00	0,00	0,00
1	Lệ phí	0,00	0,00	0,00
2	Phí	0,00	0,00	0,00
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	0,00	0,00	0,00
	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường	0,00	0,00	0,00
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	460,00	-460,00	0,00
I	Nguồn ngân sách trong nước	460,00	-460,00	0,00
1	Chi quản lý hành chính (341)	0,00	0,00	0,00
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0,00
	- Quản lý nhà nước. Trong đó:	0,00	0,00	0,00
	+ Tiền lương và các khoản trích theo lương		0,00	0,00
	+ Kinh phí hoạt động		0,00	0,00
	+ Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ		0,00	0,00
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0,00
	- Hỗ trợ chi hoạt động chuyên môn		0,00	0,00
	- Mua sắm phần mềm quản lý tài sản		0,00	0,00
	- Mua sắm, sửa chữa			0,00
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2			3
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	460,00	-460,00	0,00
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	460,00	-460,00	0,00
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			0,00
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (278)	460,00	-460,00	0,00
	+ Nghiệp vụ bảo vệ môi trường và giám sát môi trường, đa dạng sinh học. Trong đó:	460,00	-460,00	0,00
	* Nâng cao nhận thức và kỹ năng của tuyên truyền viên về phòng chống rác thải nhựa và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tổ chức chính trị - xã hội; cộng đồng dân cư, doanh nghiệp; Phương tiện thông tin đại chúng, phương tiện giao thông và khu vực công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Định.	460,00	-460,00	0,00
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
11	Sử dụng nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2			3
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Dự án A			
5.2	Dự án B			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Dự án A			
5.2	Dự án B			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Dự án A			

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2			3
9.2	Dự án B			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			